

ĐÀO TẠO TĂNG TÀI VÀ NGUỒN NHÂN LỰC CHẤT LƯỢNG CAO ĐỂ PHÁT TRIỂN TỘC NGƯỜI KHƠ-ME VÙNG NAM BỘ¹

TS. Trần Thị Hồng Yến

TS. Trịnh Thị Lan

Viện Dân tộc học

Tóm tắt: Việt Nam hiện có khoảng 1,3 triệu người Khơ-me sinh sống ở vùng Nam Bộ. Đây là tộc người gắn với Phật giáo Nam tông Khơ-me và có lịch sử quan hệ chặt chẽ với người Khơ-me Campuchia trên phương diện đồng tộc, đồng tôn, đồng văn hóa. Những năm qua, nhờ sự quan tâm của Đảng và Nhà nước ta, đời sống của người Khơ-me đã có nhiều chuyển biến tích cực. Song, để đáp ứng với thời đại toàn cầu hóa và hội nhập, việc đào tạo tăng tài và nguồn nhân lực chất lượng cao người dân tộc Khơ-me là vấn đề cần thiết. Trên cơ sở tư liệu điền dã và tài liệu Hội thảo khoa học tại Học viện Phật giáo Nam tông Khơ-me năm 2019, bài viết đề cập đến thực trạng, tầm quan trọng của việc đào tạo tăng tài và nguồn nhân lực chất lượng cao cho Phật giáo Nam tông Khơ-me và một số vấn đề đặt ra.

Từ khóa: Đào tạo tăng tài, nguồn nhân lực chất lượng cao của Phật giáo Nam tông Khơ-me, phát triển dân tộc Khơ-me, vùng Nam Bộ.

Abstract: There are approximately 1.3 million Khmer people residing in the Southern region. This ethnic group is attached to the Khmer Theravada and has historical ties with Cambodian Khmer in terms of the same ethnic, religious and cultural relations. In the past years, due to the concerns of the Vietnamese Communist Party and Government, the Khmer people have witnessed positive changes in their lives. However, in order to meet the demands of this age of globalization and integration, it becomes important to train religious officers and the Khmer people for advanced human resource practices. Drawing on fieldwork data and research findings from conferences at the Academy of Khmer Theravada in 2019, this article discusses the real situation, and the importance of advanced human resource training for Khmer Theravada officers as well as related issues of concern.

Keywords: Religious officer training, advanced human resources of the Khmer Theravada, stable development for the Khmer people, Southern region.

Ngày nhận bài: 25/6/2020; ngày gửi phản biện: 4/7/2020; ngày duyệt đăng: 28/7/2020

¹ Bài viết là kết quả của Đề tài cấp Quốc gia “Xây dựng mối quan hệ giữa chính quyền địa phương và tôn giáo nhằm đảm bảo ổn định và đồng thuận xã hội”. Mã số của đề tài: KX.01.35/16-20, do Viện Dân tộc học chủ trì. TS. Trần Thị Hồng Yến làm chủ nhiệm.

Mở đầu

Người Khơ-me cư trú ở hầu khắp các tỉnh thành Nam Bộ với dân số khoảng 1.3 triệu người, tập trung đông tại các tỉnh Sóc Trăng, Trà Vinh, Kiên Giang, An Giang, Hậu Giang, Bạc Liêu, Cà Mau, Vĩnh Long và thành phố Cần Thơ. Cùng với người Chăm, người Khơ-me đóng vai trò hết sức quan trọng ở vùng biên giới Việt Nam - Campuchia, phần đông phía Tây Nam của Tổ quốc. Tộc người Khơ-me có đặc điểm gắn với Phật giáo Nam tông Khơ-me (PGNTKM), với người Khơ-me ở bên kia biên giới Campuchia trên các phương diện đồng tộc, đồng tôn giáo và đồng văn hóa. Là một bộ phận của 54 dân tộc Việt Nam, sự phát triển ổn định, bền vững của tộc người Khơ-me đã và đang góp phần đáng kể vào sự phát triển chung của đất nước.

Với vai trò và vị trí nêu trên, tộc người Khơ-me đã được Đảng, Nhà nước ta đặc biệt quan tâm đưa ra các chính sách đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, xóa đói giảm nghèo, nâng cao trình độ dân trí, đào tạo nguồn nhân lực, phát triển kinh tế - xã hội, giữ gìn và bảo tồn bản sắc văn hóa dân tộc. Bên cạnh đó, Giáo hội Phật giáo Việt Nam (GHPGVN) cũng luôn ủng hộ, hỗ trợ PGNTKM phát triển đồng bộ trong lòng Giáo hội, góp phần xây dựng và phát triển Phật giáo Việt Nam, giữ vững truyền thống văn hóa của dân tộc. Tuy nhiên, sự phát triển của tộc người Khơ-me hiện nay có một số vấn đề đang đặt ra như thiếu đất sản xuất, đói nghèo, trình độ văn hóa thấp... (Ngô Văn Lệ, 2019; Võ Văn Sen, Trần Nam Tiến, 2011). Những yếu tố này đã và đang cản trở sự phát triển tộc người. Trong thời đại toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế, vấn đề cốt lõi đặt ra là nâng cao năng lực của cộng đồng Khơ-me, đặc biệt cần đào tạo được nguồn nhân lực chất lượng cao, bởi đây thực chất là đội ngũ tri thức sẽ đi đầu trong tiến trình phát triển kinh tế - xã hội.

Trên thực tế, đội ngũ tri thức trong xã hội người Khơ-me gồm tri thức tôn giáo và tri thức tốt nghiệp các trường ngoài tôn giáo. Trong đó, đội ngũ tri thức tôn giáo có vai trò rất quan trọng đối với người Khơ-me, bởi mỗi người dân từ lúc sinh ra cho tới khi mất đi, cuộc sống của họ luôn gắn liền với ngôi chùa và các vị sư. Do đó, việc đào tạo tăng tài trở thành người có trí, đức, hạnh là cần thiết. Từ kết quả nghiên cứu về PGNTKM tại tỉnh An Giang vào tháng 10/2018 và sự tham gia thảo luận tại Hội thảo khoa học về “Đào tạo tăng tài và nguồn nhân lực của đồng bào dân tộc Khmer Nam Bộ tại Học viện Phật giáo Nam tông Khmer: Nhiệm vụ và giải pháp” tổ chức tại thành phố Cần Thơ vào tháng 12/2019, bài viết này đề cập đến thực trạng, tầm quan trọng của việc đào tạo tăng tài, nguồn nhân lực chất lượng cao cho Phật giáo Nam tông Khơ-me và những vấn đề đặt ra.

1. Tầm quan trọng của đào tạo tăng tài Phật giáo Nam tông Khơ-me

Đối người Khơ-me, ngôi chùa, tăng lữ sư sãi có vai trò rất quan trọng trong việc giáo dục đạo đức, nhân cách cho các phật tử. Do đó, đào tạo tăng tài là nhiệm vụ quan trọng để thúc đẩy sự phát triển của tộc người Khơ-me. Hiện nay, PGNTKM có khoảng hơn 10.000 sư

sãi, 554 cơ sở tự viện ở các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long, TP. Hồ Chí Minh, miền Đông Nam Bộ và trên dưới 1,2 triệu tín đồ phật tử (Hòa thượng Thích Thiện Nhơn, 2018).

1.1. Vai trò ngôi chùa Phật giáo Nam tông Khơ-me đối với cộng đồng người Khơ-me tại các phum, sóc

PGNTKM có mặt ở Đồng bằng sông Cửu Long từ rất sớm, đến thế kỷ XIX và đầu thế kỷ XX thì đại bộ phận các phum, sóc của người Khơ-me đều có chùa thờ Phật (Võ Thanh Hùng, 2012, tr. 469). Khác với Phật giáo Bắc tông, ngôi chùa của PGNTKM có ảnh hưởng bao trùm lên toàn bộ đời sống kinh tế, văn hóa, xã hội của người Khơ-me, nên đồng bào có câu: “Sống vào chùa gửi thân, chết vào chùa gửi xác”. Ngôi chùa cùng thiết chế của nó đã trở thành “hơi thở” trong cuộc sống của người Khơ-me, không chỉ là trung tâm tổ chức các lễ hội Phật giáo, nghi lễ liên quan đời sống hàng ngày và cả khi con người Khơ-me mất đi, mà còn là trung tâm sinh hoạt văn hóa, xã hội và lưu giữ các giá trị văn hóa của tộc người Khơ-me. Đặc biệt, chùa còn là “trường học”, nơi đào tạo văn hóa, chữ viết và những tri thức dân gian cho con em người Khơ-me trong phum, sóc. Hàng năm, có hàng chục nghìn con em đồng bào Khơ-me đến chùa học lớp cơ sở song ngữ Khơ-me - Việt trong những ngày nghỉ hè. Chùa Khleang ở Sóc Trăng còn mở Trường bổ túc văn hóa Pali Trung cấp Nam Bộ tại chùa.

Chùa cũng là nơi tu dưỡng đạo đức làm người. Theo phong tục của dân tộc Khơ-me, trẻ em nam khi đến 12 - 13 tuổi trở lên thường vào chùa tu để báo hiếu ông bà, cha mẹ, thể hiện tình cảm, trách nhiệm với tộc người mình và để tỏ lòng thành kính Đức Phật. Thời gian tu ở chùa tối thiểu một tháng, cũng có người tu lâu hơn, hoặc tu suốt đời. Những người đi tu sau đó có thể xuất tu trở lại cuộc sống đời thường, lập gia đình, làm ăn, tham gia các công việc xã hội. Khi muốn, họ có thể quay lại chùa để tu một thời gian, sau đó trở về gia đình. Thời gian tu tại chùa, trẻ em nam được trang bị những tư tưởng, nền tảng đạo đức của PGNTKM, trau dồi đạo hạnh, trang bị kiến thức cho cuộc sống sau này. Người đã tu hành tại chùa được cộng đồng tôn trọng, dễ dàng lập gia đình và tìm kiếm công việc hoặc tham gia công tác xã hội. Những năm gần đây, chùa còn phổ biến cả kiến thức khoa học kỹ thuật về sản xuất nông nghiệp. Tại mỗi phum sóc, ngôi chùa đã trở thành biểu tượng thể hiện bản sắc văn hóa của người Khơ-me. Ngoài ra, chùa PGNTKM cũng là “trụ sở” họp dân, còn các vị sư là “thủ lĩnh” của dân làng. Trong cuộc sống khi gặp những khó khăn vướng mắc cần giải quyết, người dân đều vào chùa thưa chuyện và xin ý kiến của sư cả chùa, Ban Achar.

Có thể thấy, ngôi chùa rất gần gũi và thân thiết, gắn với các hoạt động văn hóa, xã hội, giáo dục của người Khơ-me. Chùa cũng chính là nơi bảo tồn văn hóa vật thể và phi vật thể của tộc người. Do đó, việc đào tạo những tăng sinh (những người sẽ trở thành chủ nhân của các chùa) phải rất chuyên nghiệp và hội tụ những chuẩn mực đạo đức của GHPGVN.

1.2. Vai trò của các chư tăng đối với cộng đồng Khơ-me

Mỗi người Khơ-me từ khi sinh ra đã trở thành phật tử của PGNTKM. Điều tra tại các xã An Cư và An Phú thuộc huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang cho thấy, các phật tử đến chùa thường xuyên vào những ngày lễ lớn và ngày thường khi có công việc. Trong tháng, bà con đến chùa đông nhất vào các ngày mùng 8, 15, 23 và 30 theo lịch của người Khơ-me. Các sư của chùa, thành viên của Ban Achar cũng là người thân, con em của người dân trong ấp. Những người nghèo trong ấp được sư cả chùa giúp gạo, tiền; những hộ khá giả đóng góp lương thực vào chùa để giúp đỡ người nghèo. Nếu gia đình nghèo quá, nhà chùa sẽ giúp toàn bộ. Những hộ gia đình nghèo lại bị ốm đau, hoạn nạn, nhà chùa chính là điểm tựa cho họ.

Các sư sống ở trong chùa, các thành viên Ban Achar sống trong phum sóc nên họ là “tai, mắt” của sư cả và cũng là những người có uy tín với dân làng. Khi trong phum, sóc có khúc mắc, các Achar sẽ đứng ra giải quyết, giúp hạn chế những mâu thuẫn lớn có thể phát sinh từ những mâu thuẫn nhỏ. Hơn nữa, nhà chùa còn có vai trò định hướng các hành vi ứng xử của các phật tử theo đúng chuẩn mực của Phật giáo Nam tông. Với uy tín của mình, các chư tăng đã giúp ích rất nhiều cho chính quyền địa phương triển khai các công việc xã hội được thuận lợi (Tư liệu điền dã tại huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang tháng 10/2018).

Về bảo tồn văn hóa, qua đội ngũ sư sãi và các phật tử, những giá trị Phật giáo mặc nhiên sẽ tồn tại, lưu truyền trong cộng đồng qua năm tháng. Những phật tử PGNTKM có thể đọc thuộc rất nhiều hồi kinh cầu siêu, cầu an như những vị sư, sãi ở chùa. Những câu chuyện cổ tích của người Khơ-me, vai trò của Phật Thích ca mầu ni cũng được các vị sư sãi kể lại trong những lúc tu học ở chùa. Việc duy trì những lễ hội truyền thống của PGNTKM đều có vai trò rất lớn của các vị sư sãi (Tiền Văn Triệu, 2012, tr. 466-467).

Trong đời sống của đồng bào Khơ-me, các vị sư rất quan trọng, bởi quan niệm sư sãi là người đại diện cho Đức Phật, nên lời răn của các vị này cũng chính là lời giáo huấn của Đức Phật. Qua kết quả khảo sát (2011) của Trung tâm Nghiên cứu tôn giáo thuộc Học Viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh, có 96,1% tin đồ cho rằng sư sãi có vai trò quan trọng và rất quan trọng đến đời sống của họ và có 84,4% tin đồ được hỏi cho rằng uy tín của sư sãi ngày càng tăng; có 92,3% tin đồ và 90,4% sư sãi PGNTKM cho rằng họ thường xuyên được các chức sắc tôn giáo tuyên truyền, vận động thực hiện tốt các chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước; có 90,3% tin đồ và 94% sư sãi PGNTKM cho rằng các chức sắc tôn giáo tuyên truyền, vận động cảnh giác trước sự lợi dụng và xúi giục của kẻ xấu. Các hoạt động tuyên truyền, vận động này thường được thực hiện trong những buổi thuyết pháp và giảng dạy giáo lý do các sư cả trụ trì đảm nhận.

Việc đề cao chức năng giáo dục, trong đó việc giáo dục cho phật tử, con em trong cộng đồng được coi là nội dung quan trọng mà sư sãi PGNTKM phải có trách nhiệm thực hiện. Vì thế, người tu hành trong PGNTKM không chỉ các vị chức sắc mà còn là những người thầy thực thụ. Trong các trường chùa, nội dung đưa vào giảng dạy là tiếng Khơ-me, chữ Pali giáo

lý Phật giáo, văn hóa dân tộc, nghề thủ công, đạo đức nhân cách cho tín đồ. Những lớp học ở chùa do các sư đảm trách, nên họ được cộng đồng kính trọng; tiếng nói, ý kiến của sư sai về những công việc chung luôn được người dân tin tưởng, nghe theo.

Thời kỳ chống Pháp và Mỹ, nhiều ngôi chùa là cơ sở kháng chiến của cách mạng, nhiều vị sư đã “cời áo cà sa khoác áo chiến bào” đi lên đường bảo vệ tổ quốc, đóng góp xương máu cho cuộc kháng chiến thắng lợi (Ban Dân tộc tỉnh Sóc Trăng, 2019, tr. 4). Trong sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước hiện nay, các vị cao tăng, chức sắc trụ trì chùa được người dân Khơ-me tin nhiệm, tham gia cùng chính quyền địa phương vận động, tuyên truyền đồng bào phật tử chấp hành chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước; tích cực tham gia hòa giải các vụ tranh chấp, mâu thuẫn trong dân. Sư sai và các vị chức sắc ở mỗi phum sóc thực sự là cầu nối giữa chính quyền với dân, đưa đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước đến với nhân dân (Nguyễn Thị Thanh Dung, 2018).

Do tầm quan trọng của các chức sắc, chức việc, người tu hành đối với ngôi chùa và cộng đồng phật tử PGNTKM, một vấn đề đặt ra là cần quan tâm đào tạo đội ngũ các vị sư sai đáp ứng được các yêu cầu: (i) nâng cao nhận thức về vai trò của các vị tu hành đối với sự nghiệp bảo tồn văn hóa của người Khơ-me, tuyên truyền chính sách của Đảng và Nhà nước, giữ vững đại đoàn kết trong cộng đồng, chống sự lợi dụng tôn giáo...; (2) nâng cao trình độ học vấn cho các vị sư, sai; (3) quản lý tốt ngôi chùa và cộng đồng người Khơ-me sống trong phum sóc, trở thành người thầy đối với con em tín đồ; (4) có đủ tri thức để có thể giảng dạy trong các trường của Phật giáo; (5) tu hành cho chính bản thân được thành tựu.

2. Thực trạng hệ thống giáo dục của Phật giáo Nam tông Khơ-me

2.1. Vài nét về sự hình thành hệ thống giáo dục Phật giáo của GHPGVN

Trong GHPGVN, hệ thống cơ sở đào tạo được tổ chức theo 03 cấp: sơ cấp, trung cấp, cử nhân. Trước khi thành lập GHPGVN, cả nước chỉ có Viện Phật học Vạn Hạnh ở Sài Gòn (nay là TP. Hồ Chí Minh) đào tạo tăng tài có trình độ tương đương cử nhân. Bên cạnh đó, Trường Phật học Hải Đức (Nha Trang) đào tạo trình độ cao đẳng, và một số trường Phật học ở các tỉnh đào tạo trình độ trung, sơ cấp Phật học. Trong điều kiện thiếu thốn về kinh tế và trường lớp, hình thức đào tạo phổ biến là các sư trẻ theo học các bậc Cao tăng ở chùa theo sơn môn, hệ phái. Các vị sư lớn tuổi tự nghiên cứu, tu tập. Chương trình học chủ yếu là giáo lý qua kinh sách của Phật giáo, kiến thức văn hóa, khoa học kỹ thuật ngoài đời rất ít.

Sau khi GHPGVN được thành lập (1981), công tác giáo dục, đào tạo luôn được Đảng, Nhà nước ta và GHPGVN quan tâm phát triển. Năm 1982, Cao cấp Phật học được thành lập, đào tạo trình độ tương đương cử nhân Phật học ở Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh. Tiếp đó, Cao cấp Phật học ở Huế được thành lập. Năm 1992, GHPGVN đổi tên Cao cấp Phật học thành Học viện Phật giáo. Đến năm 2007, Học viện PGNTKM được thành lập ở tỉnh Cần Thơ.

Ở hệ đào tạo tương đương cao đẳng Phật học có Trường Cao đẳng Phật giáo tại Hải Phòng dành cho các tỉnh đồng bằng Bắc Bộ. Ngoài ra, còn có 7 lớp cao đẳng ở địa phương đào tạo trình độ trên trung cấp để chuẩn bị cho cử nhân Phật học. Hệ đào tạo trình độ trung cấp Phật học có 31 trường ở 31 tỉnh thành phố. Đào tạo hệ sơ cấp được thực hiện ở nhiều tổ đình, sơn môn, hệ phái trong cả nước (Thượng tọa Thích Thanh Nhã, 2012, tr. 319).

2.2. Đặc điểm của hệ thống cơ sở đào tạo của PGNTKM

Đối với PGNTKM, do cách thức tu tập khác với Phật giáo Bắc tông nên việc hoàn thiện hệ thống đào tạo riêng đối với PGNTKM được đặt ra cấp thiết. Hiện nay, hệ thống đào tạo của PGNTKM có một số đặc điểm sau:

* *Hệ thống cơ sở đào tạo của PGNTKM chưa hoàn thiện, rất ít sư sãi học hệ cử nhân trong nước*: những năm trước thập niên 1970, việc học của chư tăng được thực hiện theo hình thức: học hết bậc sơ cấp tại Nam Bộ sau đó sang Campuchia học tiếp. Cụ thể, tại Việt Nam, chư tăng học xong Pali Roông (giáo dục Phật giáo đầu cấp), rồi sang Campuchia học tiếp cấp cao hơn (Diplom Pali). Sau năm 1975, việc học dừng lại ở bậc sơ cấp trong nước. Gần đây, các sư sãi mới có điều kiện học cao hơn thông qua Đại sứ quán của một số nước ở Việt Nam như: Myanma, Thái Lan, Sri Lanka,... Tuy nhiên, trên thực tế số tăng sinh đi học theo diện này rất ít (Hòa thượng Đào Như, 2019, tr. 178-179).

Hệ thống giáo dục và đào tạo của PGNTKM được triển khai đa dạng về hình thức gồm giáo dục trong các hệ thống trường chùa; các cấp học trong nền giáo dục PGNTKM có hai tình tổ chức theo mô hình trung cấp Phật học như *Trường Bồ tát Văn hóa Pali Trung cấp Nam Bộ* (tỉnh Sóc Trăng) và *Trường Trung cấp Pali - Khmer* (tỉnh Trà Vinh), trực thuộc sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh. Còn các tỉnh An Giang, Kiên Giang, Hậu Giang, Bạc Liêu, Vĩnh Long, TP. Cần Thơ và TP. Hồ Chí Minh chỉ mở lớp sơ cấp Phật học Pali, Dhamma Vinyā theo truyền thống trực thuộc Tỉnh hội (Kim Chươl, 2018).

Trong khi đó, hệ thống giáo dục GHPGVN đã khá hoàn chỉnh, là tiền đề cho sự thành công của công tác đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực của GHPGVN. Song, đối với PGNTKM, với số lượng trên dưới 10.000 tín đồ nhưng vẫn chưa có một hệ thống cơ sở đào tạo bài bản, mặc dù theo quy định vẫn có ba cấp học: *sơ cấp, trung cấp và cử nhân*. Ở cấp cử nhân, số tăng sinh của PGNTKM tỏ ra không mặn mà khi học tại Học viện Phật giáo Việt Nam tại TP. Hồ Chí Minh. Cụ thể, từ Khóa I (1984 - 1988) đến khóa V (2002 - 2006) chỉ có 16 vị đã học và tốt nghiệp; khóa VI (2005 - 2009) có 6 vị. Đây là con số rất ít nếu so sánh với tổng số từ 9.000 đến 10.000 sư sãi của PGNTKM (Bùi Thanh Hà, 2019, tr. 146).

Hệ quả của việc chưa thành lập được Học viện PGNTKM trước năm 2006 đã dẫn đến một bộ phận lớn tăng sinh sau khi học xong bậc trung cấp Phật học đã rất lúng túng không biết tìm nơi nào để học cao hơn, nên họ đã đi du học ở nước ngoài như một giải pháp trước mắt (Thạch Mu Ni, 2019, tr. 173).

Như vậy, ở cấp cử nhân, trước năm 2006 khi Học viện PGNTKM chưa có quyết định thành lập, hệ thống cơ sở đào tạo của PGNTKM còn chưa hoàn thiện. Đây là một trong những nguyên nhân khiến cho thực trạng du học nước ngoài của sư sãi PGNTKM gia tăng.

* *Thực trạng phần lớn sư sãi PGNTKM đi tu học ở nước ngoài*: theo Ban Tôn giáo Chính phủ, từ năm 2007 đến 2017 ở Tây Nam Bộ có 630 sư sãi Khơ-me du học ở nước ngoài (Campuchia, Thái Lan, Myanma, Thái Lan, Ấn Độ), nhiều nhất là sang Campuchia học với 317 vị (Bùi Hữu Dược, 2019, tr. 243). Song, đây chỉ là thống kê theo “kênh” chính thức của Nhà nước, thực tế còn nhiều chư tăng đi tu học ở nước ngoài theo con đường phi chính thức. Theo điều tra của chúng tôi vào tháng 10/2018 tại tỉnh An Giang cho thấy, toàn tỉnh có 230 trường hợp đang theo học tại các trường Phật học trong và ngoài nước, trong đó có 63 tăng sinh du học ở nước ngoài (Thái Lan 22 vị, Campuchia 34 vị, Myanma 07 vị). Tình hình du học nước ngoài đang có xu hướng tăng dần qua các năm. Chỉ riêng năm 2018 đã có 18 trường hợp du học nước ngoài (Thái Lan 09 vị, Campuchia 05 vị, Myanma 04 vị). Nhưng điều cần quan tâm là trong các trường hợp này (63 trường hợp), thì chỉ có 02 trường hợp đi học hợp pháp (có xin phép và được sự đồng ý của các cơ quan chức năng), số còn lại là du học bất hợp pháp. Số tăng sinh đi tu học ở nước ngoài chủ yếu đã tốt nghiệp các trường Trung cấp hoặc Sơ cấp Phật học ở trong nước (Tọa đàm của các cơ quan chức năng tỉnh An Giang với đoàn công tác của Viện Dân tộc học, tháng 10/2018).

Tại huyện Tịnh Biên (tỉnh An Giang) nơi giáp Campuchia, phần lớn các chư tăng của PGNTKM không thực hiện theo quy định của Nhà nước mà tự ý ra nước ngoài tu học. Năm 2018, huyện có 09 vị đi tu học ở các nước láng giềng (Thái Lan 06; Campuchia 03), nhưng chỉ 01 vị du học tại Thái Lan thực hiện các thủ tục xin phép theo qui định của Nhà nước. Về vấn đề này, một cán bộ phụ trách công tác tôn giáo huyện Tịnh Biên cũng chia sẻ những lo ngại: *“Hiện nay tình trạng sư sãi của mình đi du học ở nước ngoài rất khó kiểm soát. Nhiều vị tự ý do các thế lực ở nước ngoài câu móc mua chuộc. Tổ chức Liên đoàn Khơ-me Krom thế giới tài trợ cho một số nhà sư đi học. Vấn đề quản lý các sư sãi hiện rất khó khăn bởi họ đang tu ở chùa và sử dụng hộ chiếu để đi dưới dạng đi du lịch. Sau đó, họ vào ở một chùa nào đó bên Campuchia, Thái Lan và học ở đó. Ngay cả các vị sư đi học nước ngoài về chính quyền và cơ quan chức năng cũng chưa kiểm soát được. Số này sau khi trở về có người thành sư cả chùa, có uy tín với bà con dân ấp thì rất nguy hiểm. Lý do là PGNTKM có quyền bổ nhiệm các vị sãi cả theo lối biệt truyền”* (PVS, cán bộ huyện Tịnh Biên tháng 10/2018).

Bộ phận tăng sinh đi du học tự do không chỉ gây khó khăn cho chính quyền địa phương sở tại mà còn đặt ra những vấn đề bất lợi cho GHPGVN, công tác quản lý của Nhà nước đối với tôn giáo, nhất là bộ phận sư sãi tự tìm sang Campuchia theo học và chịu sự tàn phá của vua sãi Campuchia (Nguyễn Thanh Xuân, Nguyễn Ngọc Quỳnh, 2019, tr. 211). Nguyên nhân chủ yếu là do hệ thống cơ sở đào tạo của PGNTKM ở Việt Nam chưa hoàn thiện nên phần lớn sư sãi khi đủ điều kiện thường chọn con đường ra nước ngoài tu học.

* *Thiếu đội ngũ giảng sư chuyên nghiệp, chương trình, tài liệu học chưa thống nhất:* nền giáo dục trong PGNTKM truyền thống hoạt động theo lối biệt truyền. Tự phát của nhà chùa. Trong đó, nhà sư đồng thời cũng là thầy giáo. Các trường chùa thường dạy chữ Khơ-me và đạo đức cho trẻ em. Việc đào tạo các tăng sinh ở những lớp sơ cấp Phật học đều trên tinh thần tự nguyện. Hầu hết, các giảng sư không nhận thù lao dạy học. Họ lấy nhiệt huyết làm yếu tố hàng đầu để truyền giảng kinh nghiệm của người xuất gia đi trước cho những người xuất gia đi sau. Còn chương trình giảng dạy ở các trường trung cấp và sơ cấp Phật học hiện nay vẫn chưa có sự thống nhất giữa các tỉnh. Mỗi tỉnh có một chương trình giảng dạy riêng, số năm học của từng bậc học cũng khác nhau giữa các tỉnh. Do đó, trình độ của các tăng sinh cũng không đồng đều nhau mặc dù cùng cấp học (Thạch Mu Ni, 2019, tr. 173). Ngoài ra, việc vừa tu vừa học, vừa tu vừa dạy cũng ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng đào tạo (Bùi Hữu Dược, 2019, tr. 242; Bùi Thanh Hà, 2019, tr. 147).

* *Cơ sở vật chất phục vụ cho việc giảng dạy và học tập còn hạn chế:* kinh phí hoạt động ở các trường sơ cấp, trung cấp Phật học của PGNTKM được đầu tư ít. Ở bậc sơ cấp, kinh phí hoạt động và hỗ trợ các tăng sinh theo học chủ yếu nhờ vào nguồn tài trợ của các mạnh thường quân nên không thường xuyên và ổn định. Hơn nữa, các trường trung cấp và sơ cấp Phật học của PGNTKM phần lớn được mở tại các chùa, trong số đó, nhiều chùa có diện tích chật hẹp, có tuổi đời lâu năm và xuống cấp. Việc mong muốn có cấp học cao hơn là Học viện PGNTKM đáp ứng nhu cầu đào tạo của tăng tài cho chư tăng và nhân lực trong dân tộc Khơ-me để đáp ứng yêu cầu của các chùa, GHPGVN hoặc trở thành cán bộ, giáo viên thông thạo tiếng Khơ-me, Pali, tiếng Anh; có năng lực trình độ về giáo dục phổ thông, am hiểu sâu sắc về văn hóa, tín ngưỡng Phật giáo trong các Phật tử PGNTKM (Hòa thượng Đào Như, 2019, tr. 179).

3. Vai trò của Học viện PGNTKM trong hoạt động đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho các Phật tử PGNTKM và một số vấn đề đặt ra

3.1. Sự thành lập Học viện Phật giáo Nam tông Khơ-me

Học viện PGNTKM tại thành phố Cần Thơ là cơ sở giáo dục đại học và nghiên cứu khoa học của Phật giáo, thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, do GHPGVN và Ban Giáo dục Tăng Ni Trung ương thành lập năm 2006 theo Quyết định số 171/QĐ/TGCP ngày 14/9/2006 của Ban Tôn giáo Chính phủ. Ngày 16/10/2006, Ủy ban Nhân dân thành phố Cần Thơ ra Quyết định số 4077/ UBND-XDCB về việc xây dựng Học viện PGNTKM tại phường Châu Văn Liêm, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ (Kim Chươt, 2018).

Hiện nay, Học viện PGNTKM đã chính thức được xây dựng trên diện tích 6,7ha tại phường Châu Văn Liêm, quận Ô Môn (thành phố Cần Thơ). Công trình khởi công ngày 23/05/2017. Đây là nơi đào tạo cử nhân Phật học đầu tiên của hệ phái Nam tông Khơ-me ở Việt Nam. Việc đưa Học viện vào hoạt động rất quan trọng bởi là tiền đề thực hiện mục tiêu *nâng cao dân trí, đào tạo nguồn nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, góp phần phục vụ đất nước.*

đáp ứng nguyện vọng của sự sãi và đồng bào Khơ-me Nam Bộ. Đồng thời, góp phần cụ thể hóa chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đối với đồng bào Khơ-me.

Nhiệm vụ của Học viện PGNTKM là đào tạo nguồn nhân lực về trình độ Phật học, thể học đáp ứng nhu cầu của Phật giáo thực hiện sứ mạng luôn đồng hành cùng dân tộc trong thời đại hội nhập quốc tế. Mục tiêu đào tạo ở Học viện được ban hành theo Quyết định số 236/QĐ/HĐTS ngày 02/3/2009 của Ban Thường trực Hội đồng Trị sự GHPGVN là đào tạo tăng lớp tăng ni đáp ứng cho giai đoạn phát triển mới của Giáo hội. Tăng lớp này phải là những người mẫu mực về đạo đức, có trình độ Phật học vững vàng, có kiến thức về khoa học - kỹ thuật, về hành chính quản trị, về văn học - lịch sử, về xã hội học và tâm lý học,... Sau khi tốt nghiệp, cử nhân Phật học tăng sinh có thể tiếp tục học cấp cao học, tiến sĩ, trở thành nghiên cứu viên Viện nghiên cứu Phật học, hoặc đảm trách các công tác chuyên môn.

Để thực hiện nhiệm vụ và mục tiêu trên, Học viện PGNTKM đã phối hợp với Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Hà Nội đào tạo chuyên ngành Tôn giáo học phù hợp với người xuất gia trong thời đại hội nhập, nhằm giúp cho người học nâng cao trình độ Phật học, thể học, có phẩm chất đạo đức tốt, có ý thức cộng đồng và có khả năng giảng dạy các lớp, các trường sơ cấp, trung cấp Phật học (Kim Chươl, 2018).

Học viện PGNTKM là một cơ sở đào tạo tiêu biểu trong hệ thống giáo dục Phật giáo ở Việt Nam, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho vùng đồng bào dân tộc Khơ-me; tăng sinh của Học viện dưới sự giúp đỡ của các cấp chính quyền và của GHPGVN đã nhanh chóng, từng bước bổ sung những nội dung tích cực liên quan đến đào tạo tăng sinh của hệ phái trong giai đoạn phát triển mới của đất nước.

3.2. Vai trò của Học viện Phật giáo Nam tông Khơ-me

** Sự ra đời của Học viện đã cơ bản hoàn thiện mô hình giáo dục của PGNTKM:* như đã trình bày, Học viện PGNTKM là cấp thứ ba trong mô hình đào tạo của GHPGVN nói chung và PGNTKM nói riêng (sơ cấp, trung cấp, cử nhân). Sự ra đời của Học viện không chỉ “giữ chân” các tăng sinh có nguyện vọng học lên cấp cử nhân tại Việt Nam thay vì phải sang Thái Lan, Campuchia, Myanmar học tập. Theo thống kê của Hội đồng Trị sự GHPGVN, năm 2018, số tăng sinh của PGNTKM đang đi học ở nước ngoài là hơn 100 vị (Hội đồng GHPGVN, 2018). Do đó, việc học tập ở trong nước của các tăng sinh góp phần giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội trong bối cảnh một số tổ chức phản động nước ngoài lợi dụng dân tộc, tôn giáo để chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc.

** Học viện PGNTKM là nơi đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho dân tộc Khơ-me:* hiện nay, Học viện PGNTKM giữ vai trò hàng đầu trong việc đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho đồng bào dân tộc Khơ-me. Sự ra đời của Học viện thu hút những tăng sinh đã được trang bị ngôn ngữ Pali, kiến thức Phật học căn bản tại các trường trung cấp Pali ở một số tỉnh, thành tiếp tục theo học tại Học viện. Sau khi tốt nghiệp, họ sẽ thông thạo tiếng Pali,

Vini, am hiểu kinh kệ, vận dụng các kiến thức Phật học vào tu tập, truyền bá chánh pháp cho cộng đồng tại những ngôi chùa trong phum sóc (Ban Trị sự GHPGVN thành phố Cần Thơ, 2019, tr. 8). Bên cạnh đó, các chư tăng không chỉ nắm được những kiến thức về thần học, mà còn nắm vững các kiến thức về thế học (khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật và khoa học xã hội nhân văn). Đặc biệt, các môn học về lịch sử Việt Nam, giáo dục công dân, pháp luật, tin học, hành chính quản trị, tiếng Anh..., sẽ giúp các tăng sinh sau khi tốt nghiệp ra trường trở thành đội ngũ tri thức mới trong cộng đồng Khơ-me. Một số chư tăng sau khi hoàn tục có thể trở thành nhà văn, nhà báo, nhà giáo, nhà nghiên cứu về lĩnh vực PGNTKM, đào tạo thế hệ trẻ kế cận. Hơn nữa, các chư tăng sau khi tốt nghiệp cũng là những người nắm vững các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước, kể cả về lĩnh vực dân tộc, tôn giáo, đồng thời được triển khai rộng rãi trong cộng đồng.

** Sự ra đời của Học viện PGNTKM góp phần bảo tồn văn hóa của PGNTKM:* sự thành lập Học viện PGNTKM góp phần bảo tồn tiếng nói, chữ viết của dân tộc Khơ-me. Đối với tộc người này, tiếng Khơ-me, chữ Pali là ngôn ngữ thiêng liêng, không chỉ dùng trong tụng niệm, mà còn là phương tiện chuyển tải các nội dung trong kinh điển Phật giáo. Hơn nữa, chữ này còn là phương tiện để người Khơ-me vào chùa tu học, tiếp thu các kiến thức văn hóa, xã hội. Hiện nay, một số chư tăng giảng dạy các lớp Vini, Pali trong chùa là những người đã tốt nghiệp Học viện PGNTKM. Số khác trở thành sư cả, Achar, nắm vững giáo lý của PGNTKM, phong tục tập quán của dân tộc Khơ-me, là những người thông hiểu và hướng dẫn các tín đồ thực hành nghi lễ của PGNTKM theo đúng giáo nghi.

** Sự ra đời của Học viện PGNTKM góp phần hoằng dương chánh pháp của đức Phật trong bối cảnh mới:* bối cảnh cuộc sống hiện nay nhiều vấn đề đặt ra với xã hội của dân tộc Khơ-me, đó là làm thế nào để vươn lên thoát khỏi đói nghèo, thất nghiệp, bệnh tật, di dân, ô nhiễm môi trường? Chính những chư tăng đã tốt nghiệp và đang học tại Học Viện PGNTKM không chỉ tu luyện giới pháp mà góp phần đưa giáo lý Phật pháp đến mỗi người dân Khơ-me, xây dựng một đời sống an lạc. Những môn học thế học, những kỹ năng xã hội được tích hợp trong nhà trường sẽ là nền tảng quan trọng để họ nhập thế, giúp đỡ cộng đồng tại các phum sóc còn nhiều khó khăn. Họ sẽ là lực lượng quan trọng phát huy nội lực của dân tộc, thực hiện chủ trương đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước ta, mang lại sự phát triển bền vững và ổn định cho dân tộc Khơ-me, vùng Tây Nam Bộ và đất nước Việt Nam.

** Sự ra đời của Học viện PGNTKM là minh chứng thực tiễn về mối quan hệ Nhà nước và tôn giáo:* học viện PGNTKM ra đời chứng minh cho mối quan hệ tốt đẹp giữa Nhà nước và tôn giáo. Nhà nước không chỉ chú trọng, đầu tư về cơ sở hạ tầng, cải thiện cuộc sống của người Khơ-me trong những năm qua, mà còn quan tâm đào tạo nguồn nhân lực cho dân tộc này. Học viện PGNTKM ra đời với mục tiêu không chỉ đào tạo nguồn nhân lực cho tộc người Khơ-me Nam Bộ mà cả vùng Đông Nam Á (Sri Lanca, Thái Lan, Campuchia,...). Học viện PGNTKM còn giữ vai trò quan trọng trong quá trình hội nhập và phát triển giáo dục PGNTKM Việt Nam với hệ thống giáo dục Phật giáo quốc tế (Đại học Phật giáo các nước

Thái Lan, Sri Lanca, Ấn Độ, Myanma,...) (Hòa Thượng Thích Thiện Nhơn, 2019). Như vậy, sự ra đời của Học viện PGNTKM còn nâng tầm vị thế của dân tộc Khơ-me ở Việt Nam với Phật giáo khu vực. Ngược lại, các tăng sinh sau khi tốt nghiệp Học viện là những người có uy tín, sẽ là cầu nối giữa chính quyền với người dân, đưa đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước đến với cộng đồng Khơ-me.

Đánh giá về sự ra đời của Học viện PGNTKM, đại đức Danh Minh đã khẳng định: “Đó là một Học viện mang tính quần chúng, nó không đơn thuần là thần luận, mà chủ yếu là thứ đạo đức luận, hướng đến việc tốt đạo-đẹp đời, có vai trò quan trọng trong việc đào tạo con em Khơ-me trở thành những người có trí thức và đức hạnh (Danh Minh, 2019, tr. 71).

3.3. Một số vấn đề đặt ra

Thứ nhất, Học viện PGNTKM mới được thành lập năm 2007, trước mắt cần bổ sung, kiện toàn bộ máy điều hành của Học viện. Theo Hòa Thượng Đào Như, Hội đồng điều hành của học viện PGNTKM đã được Hòa thượng Thích Thiện Nhơn, Chủ tịch Hội đồng Trị sự GHPGVN ký quyết định chuẩn y năm 2016 gồm 9 thành viên. Hiện nay, 2 trong số 9 thành viên của bộ máy điều hành đã viên tịch (gồm một Hòa thượng Viện trưởng và Hòa thượng Viện phó). Do đó, việc hoàn thiện bộ máy điều hành của Học viện là hết sức quan trọng (Hòa Thượng Đào Như, phát biểu trong buổi Hòa thượng Thích Thiện Nhơn, Chủ tịch Hội đồng Trị sự GHPGVN đến thăm Học viện PGNTKM, ngày 19/12/2018).

Thứ hai, cần thành lập Ban bảo trợ để đảm bảo về tài chính cho sự hoạt động của Học viện PGNTKM. Hiện nay, Học viện vẫn chưa hoàn toàn tự chủ được nguồn tài chính, phải dựa vào sự hảo tâm cúng dường của các Phật tử.

Thứ ba, quy tụ những nhà Phật học, khoa học có học hàm, học vị, có trình độ về Phật học, thế học đóng góp xây dựng chương trình học, môn học và cách tổ chức đào tạo cho Học viện. Đặc biệt, Học viện cần có những chính sách để thu hút, mời gọi những giảng sư, giáo viên có trình độ, chất lượng giảng dạy tại các khoa của Học viện. Hiện nay, PGNTKM có trên 100 chư tăng đang du học ở nước ngoài với học vị thạc sĩ, tiến sĩ chuyên ngành Phật học tại các nước Thái Lan, Campuchia, Myanmar, Sri Lanca, Ấn Độ. Vấn đề đặt ra là, Học viện cần phải xây dựng chính sách chiêu mộ, kết nối được các vị này trong chính sách hợp tác hoặc trở về giảng dạy, nghiên cứu tại Học viện. Trên cơ sở đó, chương trình đào tạo tại Học viện PGNTKM mới có đủ sức hút quy tụ tăng sinh theo học với tâm bằng của Việt Nam, hạn chế được việc các tăng sinh đi du học ở nước ngoài.

Thứ tư, cần tiếp tục hoàn thiện hệ thống cơ sở giáo dục của PGNTKM. Đến nay, Học viện đã thành lập được 14 năm, nhưng chưa lập được hệ thống các trường sơ cấp, trung cấp Phật học PGNTKM ở các tỉnh đông người Khơ-me như Trà Vinh, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Kiên Giang, An Giang. Trường Bồ túc văn hóa - Pali Trung cấp Nam Bộ (Sóc Trăng) và Trường Trung cấp Pali - Khmer (Trà Vinh) về bản chất là các trường thuộc hệ thống giáo

đục quốc dân, giảng dạy các chương trình trung học cơ sở, trung học phổ thông do ngành giáo dục và đào tạo của tỉnh quản lý. Các trường này đồng thời dạy thêm chương trình trung cấp Pali và ngữ văn Khơ-me do PGNTKM đảm trách, chứ chưa phải là các trường Trung cấp Phật học theo đúng nghĩa. Chương trình dạy, số năm học của các trường nêu trên cũng không thống nhất nên nguồn “dầu vào” của Học viện PGNTKM xuất phát từ các trường này không đồng đều nhau. Trong thời gian tới, Nhà nước cần xây dựng hệ thống cơ sở giáo dục, đào tạo của PGNTKM từ sơ cấp, trung cấp đến cử nhân thống nhất (Thạch Mu Ni, 2019, tr. 171; Nguyễn Thanh Xuân, Nguyễn Ngọc Quỳnh, 2019, tr. 217; Bùi Hữu Dược, 2019, tr. 246).

Thứ năm, về phương pháp giáo dục, cần nâng cao chương trình giáo dục không chỉ về tri thức mà cả đức dục, thể dục; và học phải đi đôi với tu. Đề tiêu chí này được thực hiện, rất cần sự quản lý và định hướng của Giáo hội PGVN bởi để tăng sinh muốn học tốt phải có môi trường giáo dục tốt; muốn tu tốt, phải có phương pháp quản lý giáo dục tốt. Hai yếu tố học và tu phải cùng song hành để đào tạo tăng sinh tốt thì sự nghiệp giáo dục mới hoàn thiện.

Thứ sáu, về chương trình giáo dục và đào tạo, Học viện cần điều chỉnh cho phù hợp với nhu cầu thực tế, tăng cường những môn học mang tính chuyên ngành cao của Phật học, đồng thời, phải giảng dạy những môn thể học để đáp ứng với nhu cầu hội nhập, bảo tồn văn hóa và phát triển cộng đồng Khơ-me. Hơn nữa, đối với PGNTKM, vấn đề tôn giáo gắn với các vấn đề dân tộc, phát triển bền vững miền Tây Nam Bộ và với an ninh quốc phòng. Đây là những vấn đề rất nhạy cảm. Do đó, ngoài các môn học bắt buộc là lịch sử Việt Nam, triết học, luật học... như đã quy định, cần trang bị thêm cho học viên những môn học về lịch sử tộc người và quá trình tộc người Khơ-me, văn hóa truyền thống dân tộc Khơ-me; đường lối, chủ trương, chính sách về tôn giáo của Đảng, Nhà nước ta, trong đó có Luật Tôn giáo, tín ngưỡng;...

Thứ bảy, Nhà nước cần tài trợ cho các tăng sinh theo học ở Học viện PGNTKM và các trường trung cấp Phật học (tiền ăn, ở, đi lại) để khuyến khích việc tu học của các nhà sư và họ mới yên tâm theo học. Trên thực tế, một số tăng sinh cũng vì đời sống kinh tế khó khăn đã sang Campuchia tu học bởi bên đó Hoàng gia tài trợ cho đủ kinh phí ăn, ở, đi lại. Sau khi tốt nghiệp, họ được vua sở Campuchia tấn phong. Điều này sẽ tạo ra những bất lợi cho các thế lực thù địch xuyên tạc mối quan hệ nhà nước và tôn giáo.

Kết luận

Với tộc người Khơ-me, tầng lớp trí thức tôn giáo luôn đại diện cho sự phát triển của tộc người; là cầu nối giữa người dân (cũng là các Phật tử) với chính quyền địa phương; đóng vai trò định hướng cho các Phật tử thực hiện tốt chính sách của Đảng, Nhà nước. Do nhiều nguyên nhân nên trước khi thành lập GHPGVN, số trí thức tôn giáo của PGNTKM có số lượng tương đối đông, nhưng trình độ còn chưa cao. Do đó, việc đào tạo tầng lớp trí thức tôn giáo này đặt ra cấp bách, nhất là trong thời kỳ hội nhập hiện nay. Từ khi thành lập 2006 và bắt đầu đào tạo năm 2007 đến nay, Học viện PGNTKM đã hoạt động hơn 10 năm, đào tạo được 6 khóa, với 150 tăng sinh đã tốt nghiệp cử nhân và có 65 sinh viên đang học chương

trình cử nhân nghiên cứu tôn giáo tại trường Đại học KHXH và NV thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội. Việc xây dựng Học viện này rất cần thiết để đào tạo nguồn nhân lực cho Phật giáo, đáp ứng nhu cầu hội nhập và phát triển của GHPGVN và của đồng bào Khơ-me Nam Bộ. Hơn nữa, thành lập Học viện còn mở ra cơ hội mới cho khu vực trong sự hợp tác với các nước có nền Phật giáo lâu đời như Sri Lanka, Thái Lan, Campuchia,...

Tài liệu tham khảo

1. Ban Dân tộc, UBND tỉnh Sóc Trăng (2019), “Học viện Phật giáo Nam tông Khmer góp phần bảo tồn truyền thống văn hóa dân tộc gắn với Phật giáo Nam tông”, trong Hội thảo khoa học: *Đào tạo tăng tài và nguồn nhân lực của đồng bào dân tộc Khmer Nam Bộ tại Học viện Phật giáo Nam tông Khmer: Nhiệm vụ và giải pháp*, tháng 12/2019.
2. Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam thành phố Cần Thơ (2019), “Suy nghĩ về vai trò Học viện Phật giáo Nam tông Khmer trong giai đoạn hiện nay”, trong Hội thảo khoa học: *Đào tạo tăng tài và nguồn nhân lực của đồng bào dân tộc Khmer Nam Bộ tại Học viện Phật giáo Nam tông Khmer: Nhiệm vụ và giải pháp*, tháng 12/2019.
3. Kim Churul (2018), *Những giải pháp đào tạo ở Học viện Phật giáo Nam tông Khmer*, trên trang <http://phatgiao.org.vn>.
4. Bùi Hữu Dược (2019), “Đào tạo tăng tài Phật giáo Nam tông Khmer - Những vấn đề cần quan tâm”, trong Hội thảo khoa học: *Đào tạo tăng tài và nguồn nhân lực của đồng bào dân tộc Khmer Nam Bộ tại Học viện Phật giáo Nam tông Khmer: Nhiệm vụ và giải pháp*, tháng 12/2019.
5. Nguyễn Thị Thanh Dung (2018), “Vai trò của Phật giáo Nam tông Khơ-me trong quản lý xung đột ở các tỉnh miền Tây Nam Bộ”, *Tạp chí Lý luận chính trị*, Số 8.
6. Bùi Thanh Hà (2019), “Đào tạo tăng tài Phật giáo Nam tông Khmer - Thực trạng và giải pháp”, trong Hội thảo khoa học: *Đào tạo tăng tài và nguồn nhân lực của đồng bào dân tộc Khmer Nam Bộ tại Học viện Phật giáo Nam tông Khmer: Nhiệm vụ và giải pháp*, tháng 12/2019.
7. Hội đồng Giáo hội Phật giáo Việt Nam (2018), *Báo cáo công tác hỗ trợ hoạt động Phật giáo Nam tông Khmer (2004-2018)*, Bản đánh máy.
8. Võ Thanh Hùng (2012), “Phật giáo Nam tông Khmer đồng bằng sông Cửu Long đồng hành cùng dân tộc trong ngôi nhà chung Giáo hội Phật giáo Việt Nam”, trong Kỷ yếu Hội thảo: *Kỷ niệm 30 năm thành lập Giáo hội Phật giáo Việt Nam (1981-2011)*.
9. Ngô Văn Lê (2019), *Những đặc điểm lịch sử, kinh tế, văn hóa ảnh hưởng đến sự phát triển và phát triển bền vững của các dân tộc người thiểu số (Trường hợp người Khmer và người Chăm)*, trên trang <http://css.hcmussh.edu.vn> (truy cập ngày 15/09/2019).

10. Đại Đức Danh Minh (2019), “Vai trò của Học viện Phật giáo Nam tông Khmer góp phần tăng cường quan hệ giữa Phật giáo Nam tông với cộng đồng Khmer Nam Bộ”, trong Hội thảo khoa học: *Đào tạo tăng tài và nguồn nhân lực của đồng bào dân tộc Khmer Nam Bộ tại Học viện Phật giáo Nam tông Khmer: Nhiệm vụ và giải pháp*, tháng 12/2019.

11. Thượng tọa Thích Thanh Nhã (2012), “Giáo dục tăng tài trong Phật giáo hiện nay”, trong Kỷ yếu Hội thảo: *Kỷ niệm 30 năm thành lập Giáo hội Phật giáo Việt Nam 1981-2011*.

12. Thạch Mu Ni (2019), “Vai trò của Học viện Phật giáo Nam tông Khmer đối với hoạt động giáo dục-đào tạo trong phật tử Phật giáo Nam tông Khmer, trong Hội thảo khoa học: *Đào tạo tăng tài và nguồn nhân lực của đồng bào dân tộc Khmer Nam Bộ tại Học viện Phật giáo Nam tông Khmer: Nhiệm vụ và giải pháp*, tháng 12/2019.

13. Hòa thượng Thích Thiện Nhơn (2018), *Phát biểu tại Lễ đức Đại Hồng Chung tại Cẩn Thơ năm 2018*.

14. Hòa Thượng Thích Thiện Nhơn (2019), *Học viện Phật giáo Nam tông Khmer khánh thành giai đoạn 1*, trên trang <http://phatgiao.org.vn> (truy cập ngày 29/6/2020).

15. Hòa Thượng Đào Như (2018), *Phát biểu trong buổi Hòa thượng Thích Thiện Nhơn, Chủ tịch Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam đến thăm Học viện Phật giáo Nam tông Khmer*, ngày 19/12/2018.

16. Hòa thượng Đào Như (2019), “Vai trò của Học viện Phật giáo Nam tông Khmer đối với hoạt động giáo dục đào tạo trong phật tử dân tộc Khmer”, trong Hội thảo khoa học: *Đào tạo tăng tài và nguồn nhân lực của đồng bào dân tộc Khmer Nam Bộ tại Học viện Phật giáo Nam tông Khmer: Nhiệm vụ và giải pháp*, tháng 12/2019.

17. Võ Văn Sen, Trần Nam Tiến (2011), “Những vấn đề cấp bách đặt ra trong quá trình đồng bào Khmer ở đồng bằng sông Cửu Long đi lên Công nghiệp hóa - Hiện đại hóa”, *Tạp chí Phát triển Khoa học và Công nghệ*, Tập 14, Số X1.

18. Tiền Văn Triệu (2012), “Phật giáo Nam tông Khmer Nam Bộ từ góc nhìn ngôi chùa và tầng lớp sư sãi”, trong Kỷ yếu Hội thảo: *Kỷ niệm 30 năm thành lập Giáo hội Phật giáo Việt Nam (1981-2011)*.

19. Trung tâm Nghiên cứu Tôn giáo, Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh (2011), *Kết quả khảo sát về “Xây dựng chính sách tổng thể đối với Phật giáo Nam tông Khmer và đồng bào Khmer vùng Tây Nam Bộ đến 2020”*.

20. Nguyễn Thanh Xuân, Nguyễn Ngọc Quỳnh (2019), “Hệ thống đào tạo sư sãi Phật giáo Khmer Nam tông hiện nay - một số đặc điểm và đề xuất giải pháp”, trong Hội thảo khoa học: *Đào tạo tăng tài và nguồn nhân lực của đồng bào dân tộc Khmer Nam Bộ tại Học viện Phật giáo Nam tông Khmer: Nhiệm vụ và giải pháp*, tháng 12/2019.